TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23/5/2019
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lò Thị Chơ

Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Nguyên Hồng và ông Phùng Quốc Quân

***- M ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Thu Huế – M ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 63/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXX - ST ngày 08 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị T, sinh năm 2000. Nơi ĐKHKTT: Bản Q, xã Q, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Hà Văn V, sinh năm 1995. Nơi ĐKHKTT: Bản I, xã I1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 19 tháng 4 năm 2019 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

Chị Hoàng Thị T và anh Hà Văn V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016 do hai bên tự nguyện tìm hiểu, không ai bị ép buộc, được hai bên gia đình đồng ý, đã tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Anh chị không đăng ký kết hôn do thời điểm đó chị T chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại gia đình anh V tại bản I, xã I1, huyện Mai Sơn. Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, gia đình sống không hòa thuận. Nguyên nhân là do hai bên Mờng xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung. Thời điểm chung sống với nhau như vợ chồng, anh chị còn quá trẻ, chưa thấu hiểu cảm thông và biết chia sẻ cho

nhau, chị T mang thai và sinh con khi chưa trưởng thành lại không được sự quam tâm của chồng nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Do không thể tiếp tục chung sống cùng anh V, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Sau thời gian ly thân, chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể duy trì cuộc sống chung. Vì vậy đã viết đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị T và anh V có 01 con chung là cháu Hoàng Anh M, sinh ngày 05/12/2017, hiện tại cháu đang ở cùng chị T. Do thời điểm sinh cháu M, anh V, chị T không đăng ký kết hôn nên khi đăng ký khai sinh cho cháu chỉ có tên mẹ mà không có tên bố. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu do cháu còn quá nhỏ (dưới 3 tuổi) và yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mức cấp dưỡng 1.000.000VNĐ/1 tháng cho đến khi cháu M trưởng thành.

Về tài sản chung: Anh chị tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không nợ ai cũng không cho ai vay nợ.

Tại bản tự khai ngày 03/5/2019, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn anh Hà Văn V trình bày:

Về tình cảm: Về quá trình kết hôn anh V trình bày thống nhất với lời khai của chị T. Anh chị có được gia đình hai bên ủng hộ, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống với nhau, anh chị có nhiều bất đồng, vợ chồng không có tiếng nói chung nên Mờng xuyên có xích mích, va chạm với nhau. Anh V cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và không liên lạc với anh V cũng như gia đình anh V. Anh V xác nhận vẫn còn tình cảm với chị T và đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị đoàn tụ nhưng nếu chị T xác nhận không còn tình cảm với anh và cương quyết ly hôn thì anh V đồng ý ly hôn.Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Hoàng Anh M, sinh ngày 05/12/2017. Anh V nhất trí giao cháu M cho chị T nuôi dưỡng giáo dục đến khi trưởng thành và cấp dưỡng nuôi con chung với chị T mức 500.000VNĐ/ 1 tháng cho đến khi cháu M trưởng thành.

Về tài sản chung: Anh không đề nghị tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên quan điểm đã trình bày: Về tình cảm: Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Hà Văn V. Về con chung: Chị nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Anh M, yêu cầu anh V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu M mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu trưởng thành. Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung.

Tại phiên tòa, anh V giữ nguyên quan điểm đã trình bày: Về tình cảm: Nhất trí ly hôn với chị Hoàng Thị T. Về con chung: giao cháu M cho chị T trực

tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi trưởng thành và anh V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu M cùng chị T mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi cháu trưởng thành. Về tài sản chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào đề nghị của các đương sự và xét thấy cần thiết, Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân, về con chung và tài sản chung, nợ chung ở địa phương nơi các đương sự cư trú:

Xác định anh V và chị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016, hai bên tự nguyện tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, chị T có đăng ký tạm trú và về chung sống tại gia đình anh V tại bản In, xã I1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Thời gian chung sống, anh V chị T phát sinh mâu thuẫn, chị T có về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và không cắt tạm trú tại bản In, xã I1. Nguyên nhân cụ thể ban quản lý không nắm được. Tháng 7 năm 2018, ban quản lý bản tiến hành hòa giải cho anh V và chị T nhưng không thành, nay chị T có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: Anh V chị T có một con chung là cháu Hoàng Anh M sinh năm 2017, nay cháu đang ở cùng chị T. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh V, chị T chung sống được một thời gian ngắn không thiết lập được khối tài sản chung nào hoặc đóng góp gì vào tài sản của gia đình, chỉ có một vài của hồi môn khi anh V chị T kết hôn được hai bên gia đình cho nhưng đã thỏa thuận xong, nay không có tài sản chung hay nợ chung gì.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị T và anh Hà Văn V.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Anh M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Anh M mức 800.000đồng/1 tháng cho đến khi cháu

M đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2019.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị T, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn chị Hoàng Thị T trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án là được ly hôn với anh Hà Văn V. Anh V có hộ khẩu Mờng trú và hiện đang cư trú tại Bản In, xã I1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn là đúng quy định của pháp luật. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và anh V, chị T không có đăng ký kết hôn, không phải là vợ chồng hợp pháp nên Tòa án mở phiên tòa xét xử để xét yêu cầu của chị T là đúng quy định tại điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2]. Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Hoàng Thị T và anh Hà Văn V tự tìm hiểu và về sống chung thành vợ chồng từ năm 2016 đến nay nhưng anh chị không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị có được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán.

Trong quá trình chung sống cùng nhau, hai bên Mờng xuyên có mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống chung. Mâu thuẫn trầm trọng nhất bắt đầu từ giữa năm 2017 khi tình cảm vợ chồng rạn nứt, anh V chị T không tìm được tiếng nói chung, không quan tâm chăm sóc và cảm thông cho nhau, Mờng xuyên cãi vã, xô xát. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, tại biên bản hòa giải ngày 08/5/2019, chị T và anh V nhất trí ly hôn. Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên ý kiến được ly hôn với anh V. Hội đồng xét xử xét thấy, anh V và chị T mặc dù có sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2016, có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thì anh V chị T không phải là vợ chồng hợp pháp, quan hệ hôn nhân không được pháp luật thừa nhận. Do đó cần căn cứ khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị T và anh Hà Văn V.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Hoàng Anh M, sinh ngày 05/12/2017. Tại phiên hòa giải ngày 08/5/2019, chị T, anh V thỏa thuận giao cháu Hoàng Anh M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M trưởng thành (đủ 18 tuổi). Tuy nhiên anh V, chị T không thống nhất được mức cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên ý kiến yêu cầu anh V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mức 1.000.000VNĐ/1 tháng cho đến khi cháu M trưởng thành. Anh V giữ nguyên ý kiến cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mức 500.000VNĐ/ 1 tháng cho đến khi cháu M trưởng thành.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc chị T, anh V thống nhất trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định của pháp luật. Cháu M còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), trong thời gian anh V, chị T sống ly thân chị T là người chăm sóc cháu M, anh V không chăm sóc, nuôi dưỡng, chu cấp cho con chung cùng chị T. Việc giao cháu M cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa, anh chị không thống nhất được mức cấp dưỡng nuôi con chung. Khi xét yêu cầu cấp dưỡng cần phải xác định mức thu nhập thực tế của các bên và chi phí sinh hoạt của con chung. Bản thân anh V không có nghề nghiệp ổn định, có mức thu nhập thấp, chỉ từ 2.000.000VNĐ đến 2.500.000 đồng/ 1 tháng. Chị T yêu cầu mức cấp dưỡng 1.000.000VNĐ/ 1 tháng là không phù hợp so với điều kiện thu nhập hiện tại của anh V nên Tòa án chỉ xem xét chấp nhận mức cấp dưỡng là 800.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu M trưởng thành.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh V, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[2.4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh V phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14; các Điều 15; 16; 53; 81; 82; 83; 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Mờng vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị T và anh Hà Văn V.

2. Về con chung:

Giao cháu Hoàng Anh M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có yêu cầu khác.

Anh V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Anh M mức 800.000đồng/1 tháng cùng chị T cho đến khi cháu M đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2019.

Sau khi ly hôn, anh V được quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh V thực hiện quyền này theo quy định của Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Chị T, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn là 300.000VNĐ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 VNĐ đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0002151 ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Anh V phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 300.000VNĐ.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lò Thị Chơ